

Bản án số: 83 /2017/DS-ST

Ngày: 29/6/2017

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản(Huê hui)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH B THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoa Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thành.
2. Ông Trần Hoàng Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh B Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST-DS ngày 27/02/2017, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (huê hui)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST-DS ngày 13/6/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Thanh B**, sinh năm: 1975, địa chỉ: Khu phố 3, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh B Thuận. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Khánh V**, sinh năm: 1971, địa chỉ: Khu phố 3, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh B Thuận. (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Nguyễn Thanh Q**, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã L, tỉnh B Thuận. (Vắng mặt)

2/ Ông **Lê Quang T**, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã L, tỉnh B Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị Thanh B và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Bà B có choi một phần huê của bà Nguyễn Thị Khánh V trong dây huê 5.000.000

đồng/tháng, gồm 12 người chơi, mở huê ngày 17/2/2016, mãn huê vào ngày 17/01/2017, bà B đã đóng 09 tháng huê là 45.000.000 đồng và 29 ngày là 4.350.000 đồng. Tổng số tiền đã đóng của dây này là 49.350.000 đồng.

Ngày 18/8/2016, bà B chơi thêm 01 phần huê của bà V trong dây huê 3.000.000 đồng/tháng, gồm 11 người chơi, mở huê ngày 18/8/2016, mãn huê ngày 18/6/2017, bà đóng được 3 tháng là 9.000.000 đồng và 28 ngày là 2.800.000 đồng. Tổng số tiền đã đóng của dây này là 11.800.000 đồng.

Ngày 20/9/2016, bà B chơi 02 phần huê trong dây huê 1.000.000 đồng/10 ngày, gồm 11 người chơi, huê mãn ngày 29/9/2016, (đóng 01 ngày 200.000 đồng) bà B đóng đến kỳ thứ 3 thì hốt 1 phần huê, từ đây bà phải đóng huê chết là 06 kỳ tương đương 6.000.000 đồng, bà B còn một phần huê sống đã đóng được 5.000.000 đồng. Trong dây huê ngày đối trừ nghĩa vụ bà B còn nợ bà V một (01) triệu đồng.

Tổng cộng 3 dây huê thì số tiền huê bà V nợ bà B là: 61.150.000 đồng gồm cả gốc và lãi, đến ngày 24/10/2016, bà V trả cho bà B số tiền 2.000.000 đồng, trừ số tiền huê chết trong dây huê ngày bà B còn nợ 1.000.000 đồng chưa đóng, $(61.150.000 \text{ đ} - 2.000.000 \text{ đ} - 1.000.000 \text{ đ} = 58.150.000 \text{ đ})$ số tiền huê còn lại bà V chưa trả cho bà B là 58.150.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà B và bà V thỏa thuận được với nhau số tiền nợ huê bà V phải trả là 47.525.000 đồng nhưng hai bên không thỏa thuận được với nhau về trách nhiệm trả nợ của vợ chồng bà V, ông Lê Quang T đối với vợ chồng bà B và cách thức trả nợ. Tại phiên tòa, bà B yêu cầu vợ chồng bà V, ông T phải trả số tiền nợ huê **47.525.000** đồng cho vợ chồng bà B trong thời gian sớm nhất, không yêu cầu lãi suất.

Theo bản tự khai và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Khánh V trình bày:

Bà V thừa nhận bà B có tham gia 03 dây huê như nguyên đơn đã khai, trong quá trình giải quyết vụ án cả hai thỏa thuận được với nhau số tiền huê bà V còn nợ của bà B là 47.525.000 đồng. Bà V cho rằng việc chơi huê là do cá nhân đứng ra làm nên tự chịu trách nhiệm trả nợ, không liên quan đến ông T.

Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Thanh Q trình bày: Vợ ông (bà B) chơi huê do bà Nguyễn Thị Khánh V làm thủ, hiện bà V đang nợ tiền huê không trả, ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà V, ông T phải trả nợ cho vợ chồng ông theo như bà B đã trình bày.

Ông Lê Q T trình bày: Ông T không biết những người đã tham gia chơi huê của bà V, nên không biết số tiền huê, ông T xin vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Qua nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn có trách nhiệm trả cho vợ chồng nguyên đơn đối với số tiền huê hai bên đã thống nhất xác định. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Q, ông Lê Quang T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền nguyên đơn đã đóng huê trong thời gian tham gia hội viên do bị đơn làm thủ. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có nợ số tiền huê của nguyên đơn, hai bên đã thỏa thuận với nhau số tiền nợ nhưng không thỏa thuận được về nghĩa vụ trả nợ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như cách thức trả nợ. Quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp dân sự vay sản (Huê hội) theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự 2005.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả đủ số tiền 58.150.000 đồng nhưng quá trình giải quyết các bên thỏa thuận được với nhau số tiền nợ huê phía bị đơn còn phải trả là 47.525.000 đồng. Tranh chấp không giải quyết được khi phát sinh nghĩa vụ trả nợ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quang T. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bị đơn mở các dây huê để mọi người tham gia làm hội viên, bị đơn thu những khoản tiền lãi từ các dây huê với mục đích để phục vụ những chi tiêu, trang trải sinh hoạt gia đình của bị đơn. Vì vậy, cần buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quang T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng bị đơn Nguyễn Thị Khánh V trả tiền nợ cho vợ chồng bà Võ Thị Thanh B, ông Nguyễn Thanh Q là phù hợp theo quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 298, khoản 2 Điều 305, Điều 471, khoản 1 Điều 474, Điều 479 Bộ luật dân sự 2005, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Khánh V, ông Lê Quang T phải có trách nhiệm chung trả nợ số tiền nợ huê 47.525.000 đồng cho vợ chồng bà Võ Thị Thanh B, ông Nguyễn Thanh Q.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị Khánh V, ông Lê Quang T phải chịu số tiền 2.376.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Thị Thanh B số tiền 1.453.750 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0010120 ngày 27/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (29/6/2017). Ông Nguyễn Thanh Q và ông Lê Q T có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã L;
- THA thị xã L;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

ĐẶNG THỊ HOA NGÀ